

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý IV.2019)

Gồm có:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Hà nội, tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2019 Đến ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Quý 04 năm 2019		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91 545 442 572	78 348 326 838	248 796 213 697	221 644 078 616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	876 399 426	191 643 168	1 838 192 062	981 662 955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90 669 043 146	78 156 683 670	246 958 021 635	220 662 415 661
4. Giá vốn hàng bán	74 113 453 557	67 393 008 928	206 004 885 911	193 676 905 103
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16 555 589 589	10 763 674 742	40 953 135 724	26 985 510 558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	275 890 619	366 624 546	838 074 794	788 972 115
7. Chi phí tài chính		38 742 573	19 256 903	457 794 706
- Trong đó: Lãi vay phải trả		4 571 620		366 822 749
8. Chi phí bán hàng	1 660 812 229	1 489 110 653	5 501 649 012	5 330 096 076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1 375 038 342	1 503 633 190	5 576 360 338	4 716 325 844
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13 795 629 637	8 098 812 872	30 693 944 265	17 270 266 047
11. Thu nhập khác	337 401 282	400 112 371	1 590 736 435	2 919 045 601
12. Chi phí khác	6 131 349	176 777	38 896 374	961 859
13. Lợi nhuận khác	331 269 933	399 935 594	1 551 840 061	2 918 083 742
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14 126 899 570	8 498 748 466	32 245 784 326	20 188 349 789
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2 832 528 276	1 705 928 789	6 525 582 514	4 077 500 101
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	11 294 371 294	6 792 819 677	25 720 201 812	16 110 849 688

Người lập biểu



Nguyễn Bá Thị Hợp

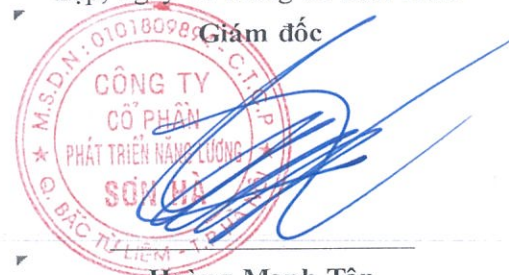
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113,081,893,446	85,071,911,194
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,597,470,832	1,386,087,431
1. Tiền	111		2,597,470,832	1,386,087,431
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89,861,876,720	58,306,216,952
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	73,659,716,716	57,119,947,990
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1,017,593,820	629,581,337
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	15,000,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1,397,544,720	1,739,386,580
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,212,978,536)	(1,182,698,955)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20,562,482,104	25,298,550,686
1. Hàng tồn kho	141	V.7	20,978,506,522	25,493,099,161
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(416,024,418)	(194,548,475)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60,063,790	81,056,125
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	60,063,790	81,056,125
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,660,767,007	5,453,983,716
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,473,267,649	4,766,499,106
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4,413,601,399	4,686,375,856
<i>Nguyên giá</i>	222		8,993,367,899	8,916,187,026
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4,579,766,500)	(4,229,811,170)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	59,666,250	80,123,250
<i>Nguyên giá</i>	228		159,181,000	159,181,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(99,514,750)	(79,057,750)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,187,499,358	687,484,610
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,187,499,358	687,484,610
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118,742,660,453	90,525,894,910

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		42,032,086,221	24,092,305,496
I. Nợ ngắn hạn	310		42,032,086,221	24,092,305,496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33,736,656,805	19,200,410,137
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	961,441,019	583,529,500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4,104,499,490	2,197,505,833
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1,992,874,059	1,577,851,699
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	85,000,000	147,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	218,181,818	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	669,954,465	386,008,327
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	263,478,565	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76,710,574,232	66,433,589,414
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	76,710,574,232	66,433,589,414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50,000,000,000	50,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		929,475,341	123,932,857
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25,781,098,891	16,309,656,557
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,060,897,079	198,806,869
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20,720,201,812	16,110,849,688
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118,742,660,453	90,525,894,910

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2019 Đến ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	226 861 399 901	230 546 771 821
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(166 806 384 568)	(211 831 476 552)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10 462 815 494)	(8 233 110 186)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(347 418 569)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5 398 983 027)	(3 589 949 355)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2 667 663 089	3 028 899 691
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30 658 094 379)	(11 304 471 985)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16 202 785 522	(1 730 755 135)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1 585 000	32 171 000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15 000 000 000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7 012 879	21 939 489
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14 991 402 121)	54 110 489
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20 000 000 000
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18 624 337 567)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1 375 662 433
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	1 211 383 401	(300 982 213)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1 386 087 431	1 687 069 644
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	2 597 470 832	1 386 087 431

Người lập biểu



Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính Công ty có 94 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 93 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	197,580,445	199,925,608
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,399,890,387	1,186,161,823
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		
- Kỳ phiếu ngân hàng		
- Tín phiếu kho bạc		
Cộng	2,597,470,832	1,386,087,431

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
<i>Ngắn hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn		
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác		
<i>Dài hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn		
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác		
Cộng	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>64,862,038,565</i>	<i>41,356,121,454</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		32 670
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	58 384 100 574	
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	3 809 679 673	3 430 156 683
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	159 674 240	364 310 650
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		34 303 208 292
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	403 398 347	227 212 128
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ	1 966 835 466	2 916 962 951
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà		3 194 400
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Bắc		111 043 680
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	87 050 025	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sơn Hà - WEGEN	51 300 240	
...		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>8,797,678,151</i>	<i>15,763,826,536</i>
Các khách hàng khác	<u>8,797,678,151</u>	<u>15,763,826,536</u>
Cộng	<u><u>73,659,716,716</u></u>	<u><u>57,119,947,990</u></u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	<u>39,808,500</u>	-
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	39,808,500	
Trả trước cho người bán khác	<u>977,785,320</u>	<u>629,581,337</u>
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh	109,800,000	112,905,199
Công ty TNHH Công nghệ chế tạo và hóa chất công nghiệp TNT		184,910,000
Công ty Cổ phần chứng khoán ARTEX		80,000,000
Công ty Cổ phần Datyso Việt Nam		
CHANGZHOU SUNNERGY ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD	324,597,182	
QUINGDAO SUNTY-ECO INDUSTRY & TRADE CO.,LTD	75,983,415	
SHANGHAI MINIPORE INDUSTRIAL CO.,LTD	125,209,700	
DONGGUAN ZHENGYANG IMPORT AND EXPORT TRADING (312,564,420	241,471,138
Công ty CP Xúc tiến thương mại và Đầu tư Xây dựng Việt Nam		
Các nhà cung cấp khác	<u>29,630,603</u>	<u>10,295,000</u>
Cộng	<u><u>1,017,593,820</u></u>	<u><u>629,581,337</u></u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i><u>15,000,000,000</u></i>	<i>-</i>
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh vay với lãi suất 7%/năm	15,000,000,000	
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn		
Cộng	<u><u>15,000,000,000</u></u>	<u><u>-</u></u>

6. Phải thu ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
...				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân k</i>	<i>1,397,544,720</i>	<i>-1,212,978,536</i>	<i>1,739,386,580</i>	<i>-1,182,698,955</i>
Phải thu về cổ phần hóa				
Cò tức và lợi nhuận được chia				
Tiền lãi cho vay				
Ký cược, ký quỹ			10,282,500	
Cho mượn				
Các khoản chi hộ				
Tạm ứng	315,157,675		536,963,000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,082,387,045	-1,212,978,536	1,192,141,080	-1,182,698,955
<i>Ông Kiều Thanh Phong</i>	<i>536,000,000</i>	<i>-536,000,000</i>	<i>536,000,000</i>	<i>-536,000,000</i>
<i>Ông Nguyễn Văn Thảo</i>	<i>536,000,000</i>	<i>-536,000,000</i>	<i>536,000,000</i>	<i>-536,000,000</i>
<i>Cá nhân khác</i>	<i>10,387,045</i>	<i>-140,978,536</i>	<i>120,141,080</i>	<i>-110,698,955</i>
Cộng	1,397,544,720	-1,212,978,536	1,739,386,580	-1,182,698,955

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Hoàng trọng Thủy	Trên 12 tháng	186.397.909		231.397.909	
Ông Kiều Thanh Phong	Trên 3 năm	536.000.000		536.000.000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	Trên 3 năm	536.000.000		536.000.000	
Cộng		1.258.397.909		1.303.397.909	

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đư	1,356,172,975		2,396,447,678	
Nguyên liệu, vật liệu	13,548,071,016	407,448,826	15,364,193,930	185,972,883
Công cụ, dụng cụ	472,277,490		213,213,936	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	995,581,272		344,674,853	
Thành phẩm	2,754,753,398	8575592	5,759,044,710	8,575,592
Hàng hóa	1,851,650,371		1,415,524,054	
Hàng gửi đi bán				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	20,978,506,522	416,024,418	25,493,099,161	194,548,475

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	60,063,790	81,056,125
Cộng	60,063,790	81,056,125

Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu kỳ	687,484,610	506,220,996
Tăng trong năm	800,406,852	482,915,337
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình	204,728,129	-47,666,693
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	-43,655,948	
Phân bổ trong kỳ	-461,464,285	-253,985,030
Các chi phí trả trước dài hạn khác		
Cộng	1,187,499,358	687,484,610

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm		7,954,063,390	962,123,636		8,916,187,026
Mua trong năm/kỳ		1,264,843,729		75,000,000	1,339,843,729
Đầu tư XD CB hoàn thành					
Tăng khác		110,000,000	20,218,182		130,218,182
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		-881,589,801			-881,589,801
Giảm khác		-511,291,237			-511,291,237
Số cuối năm/kỳ		7,936,026,081	982,341,818	75,000,000	8,993,367,899
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm		-4,183,771,067	-11,453,853	-34,586,250	-4,229,811,170
Khấu hao trong năm/kỳ		-1,242,059,428	-140,093,856	-2,713,427	-1,384,866,711
Tăng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán		848,849,457			848,849,457
Giảm khác		186,061,924			186,061,924
Số cuối năm/kỳ		-4,390,919,114	-151,547,709	-37,299,677	-4,579,766,500
Giá trị còn lại					
Số đầu năm		3,770,292,323	950,669,783	-34,586,250	4,686,375,856
Số cuối năm/kỳ		3,545,106,967	830,794,109	37,700,323	4,413,601,399

11. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	159,181,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ		
Tăng khác		
Thanh lý, nhượng bán		
Giảm khác		
Số cuối năm/kỳ	159,181,000	159,181,000
<i>Trong đó:</i>		
Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-79,057,750	-79,057,750
Khấu hao trong năm/kỳ	-20,457,000	-20,457,000
Tăng khác		
Thanh lý, nhượng bán		
Giảm khác		
Số cuối năm/kỳ	-99,514,750	-99,514,750
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	80,123,250	80,123,250
Số cuối năm/kỳ	59,666,250	59,666,250

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	25,510,804,762	12,227,022,091
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà		4,358,123,160
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	4,302,252,504	678,502,705
Công ty TNHH Một Thành Viên Logistics Sơn Hà		690,387,387
Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	430,980,000	
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	20,253,245,460	6,114,099,349
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền B		123,468,829
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Bắc		
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	524,326,798	262,440,661
...		
Phải trả các nhà cung cấp khác	8,225,852,043	6,973,388,046
Các nhà cung cấp khác	8,225,852,043	6,973,388,046
Cộng	33,736,656,805	19,200,410,137

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán,

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	277,197,754	4,873,240,944	4,102,620,052	1,047,818,646
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3,865,390,343	3,865,390,343	
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu		116,608,069	116,608,069	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,705,928,789	6,525,582,514	5,398,983,027	2,832,528,276
Thuế thu nhập cá nhân	88,619,290	583,581,126	448,047,848	224,152,568
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Thuế bảo vệ môi trường		6,000,000	6,000,000	
Các loại thuế khác		3,000,000	3,000,000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	125,760,000		125,760,000	
Cộng	2,197,505,833	15,973,402,996	14,066,409,339	4,104,499,490

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%),

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14,126,899,570	8,498,748,466
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận	35,741,810	30,895,477
- Các khoản điều chỉnh tăng	35,741,810	30,895,477
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	14,162,641,380	8,529,643,943
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	14,162,641,380	8,529,643,943
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>2,832,528,276</i>	<i>1,705,928,789</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>2,832,528,276</i>	<i>1,705,928,789</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2,832,528,276	1,705,928,789

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra,

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định,

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	85,000,000	147,000,000
Cộng	85,000,000	147,000,000

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>669,954,465</i>	<i>386,008,327</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	140,535,230	94,148,910
Bảo hiểm xã hội	-	324,585
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	529,419,235	291,534,832
Cộng	669,954,465	386,008,327

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán,

16. Vay và nợ thuê tài chính

15a, Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	0	0

15b, Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	0	0

Cộng

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán,

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng, Chi tiết phát sinh như sau:

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
Quỹ khen thưởng			-
Quỹ phúc lợi	322,216,994	(58,738,429)	263,478,565
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định			-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành			-
Cộng	<u>322,216,994</u>	<u>(58,738,429)</u>	<u>263,478,565</u>

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	20,000,000,000	923,932,857		9,398,806,869	30,322,739,726
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán					
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu	800,000,000	-800,000,000			
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	9,200,000,000			-9,200,000,000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tĩ	20,000,000,000				20,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ				16,110,849,688	16,110,849,688
...					
Số dư cuối năm trước	50,000,000,000	123,932,857		16,309,656,557	66,433,589,414
Số dư đầu năm nay	50,000,000,000	123,932,857		16,309,656,557	66,433,589,414
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán					
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển					
Chi trả cổ tức bằng tiền				-15,000,000,000	-15,000,000,000
Thủ lao BKS, HĐQT				-121,000,000	-121,000,000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền					
Lợi nhuận trong năm/kỳ này					
Trích lập các quỹ		805,542,484	-322,216,994	-805,542,484	-322,216,994
Lợi nhuận trong kỳ				25,720,201,812	25,720,201,812
...					
Số dư cuối năm nay/kỳ này	50,000,000,000	929,475,341	-322,216,994	26,103,315,885	76,710,574,232

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	25,795,000,000	25,795,000,000
Hoàng Mạnh Tân	5,500,000,000	4,500,000,000
Đàm Quang Hùng	2,500,000,000	2,500,000,000
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT	5,000,000,000	5,000,000,000
Khác	11,205,000,000	12,205,000,000
Cộng	50,000,000,000	50,000,000,000

18c.

	Cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	5,000,000	5,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND,

18d. Phân phối lợi nhuận

Ngày 29 /03/2019, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 46/2019/NQ - DIHDCĐ về phương án chia cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 20% vốn điều lệ xác định tại thời điểm ngày 26/02/2019 (cổ đông được nhận cổ tức 2000đ/cp)

Ngày 07/11/2019, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 138/2019/NQ - DIHDCĐ về phương án tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 10% vốn điều lệ xác định tại thời điểm ngày 20/11/2019 (cổ đông được nhận cổ tức 1000đ/cp)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	113	2,557,801	113	2,557,801
CNY	-	-	-	-
WON	-	-	-	-
	113	2,557,801	113	2,557,801

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	22 777 794 768	17 789 574 530
Doanh thu bán thành phẩm	68 412 116 761	59 659 078 803
Doanh thu cung cấp dịch vụ	291 365 587	846 280 325
Doanh thu khác	64,165,456	53,393,180
Cộng	<u>91,545,442,572</u>	<u>78,348,326,838</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Các thành viên Ban điều hành		
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHI)	79,136,387	11,192,317
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	57,678,308,046	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	122,970	29,700
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	6,506,719,168	5,846,611,534
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	1,489,889,247	1,289,881,294
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơ		44,885,602,449
Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Dịch Vụ Sơn Hà	420,355,800	331,191,500
Công ty Cổ phần Sơn Hà - WEGEN	46,636,582	
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	10,046,595	5,074,932
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ	4,659,055,205	4,018,150,100
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	1,043,647,735	461,175,595
khách hàng khác	<u>19,611,524,837</u>	<u>21,499,417,417</u>
Tổng cộng	<u>91,545,442,572</u>	<u>78,348,326,838</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	774,087,745	
Hàng bán bị trả lại	102,311,681	191,643,168
Giảm giá hàng bán		
Cộng	<u>876,399,426</u>	<u>191,643,168</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17,736,731,574	16,089,733,648
Giá vốn của thành phẩm đã bán	56,212,583,422	51,324,187,561
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	164,138,561	-20,912,281
Cộng	<u>74,113,453,557</u>	<u>67,393,008,928</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	265,471,819	2,124,546
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10,418,800	
Khác		364,500,000
Cộng	<u>275,890,619</u>	<u>366,624,546</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay		4,571,620
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		34,170,953
...		
Cộng		<u>38,742,573</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	445,792,663	268,307,530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,114,250	67,496,694
Chi phí bảo hành	204,955,237	141,348,635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	799,018,353	766,272,549
Các chi phí khác	205,931,726	245,685,245
Cộng	<u>1,660,812,229</u>	<u>1,489,110,653</u>

7. Chi phí quản lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	796,034,184	749,643,258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47,642,779	32,853,309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,236,453	40,523,741
Thuế, phí và lệ phí	199,813,170	318,980,614
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Các chi phí khác (giá trị chi phí khác phải nhỏ hơn hoặc bằng	303,311,756	361,632,268
Cộng	<u>1,375,038,342</u>	<u>1,503,633,190</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	337,401,282	400,112,371
Cộng	<u>337,401,282</u>	<u>400,112,371</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
...	6,131,349	176,777
Cộng	6,131,349	176,777

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này,

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác,

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt,

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt,

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V,5,

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà

Mối quan hệ

Công ty mẹ (SHI)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV/2019 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính,

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

Hoàng Mạnh Tân